

Số: **4695** /BKHĐT-PTDNV/v Xây dựng Kế hoạch phát triển
DNNVV giai đoạn 2011-2015

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2011

Kính gửi:

- Các Bộ: Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Giao thông vận tải
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
- Hiệp hội DNNVV Việt Nam
- Hội doanh nhân trẻ Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 5/5/2010 về việc triển khai Nghị định số 56/2009/NĐ-CP của Chính phủ về trợ giúp phát triển DNNVV, Văn phòng Chính phủ có công văn số 140/VPCP-ĐMDN ngày 10/1/2011 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng về việc giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) giai đoạn 2011-2015.

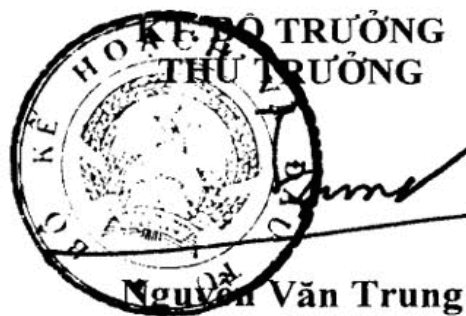
Ngày 6/4/2011, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ký Quyết định số 466/QĐ-BKHĐT thành lập Ban soạn thảo Kế hoạch phát triển DNNVV giai đoạn 2011-2015. Ngày 10/6/2011, tại Hà Nội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức họp Ban Soạn thảo thảo luận về định hướng xây dựng Kế hoạch phát triển DNNVV giai đoạn 2011-2015.

Trên cơ sở tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển DNNVV giai đoạn 2006-2010, phân tích, dự báo yêu cầu đặt ra đối với khu vực DNNVV trong giai đoạn mới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển DNNVV giai đoạn 2011-2015 (gửi kèm theo). Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch phát triển DNNVV phần nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được phân công để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung vào Kế hoạch phát triển DNNVV giai đoạn 2011-2015.

Báo cáo kế hoạch đề nghị gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/8/2011 để kịp tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./

Nơi nhận:

- Như trên kèm theo Dự thảo khung hướng dẫn xây dựng KH và b/c tổng kết tình hình thực hiện KH phát triển DNNVV 2006-2010 (để tham khảo)
- Lưu: VT, PTDN



09580652

**DỰ THẢO KHUNG HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN DNNVV GIAI ĐOẠN 2011-2015**
(Kèm theo công văn số 4695/BKHĐT-PTDN ngày 18. tháng 7. năm 2011)

PHẦN MỞ ĐẦU

**I. VAI TRÒ VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN DNNVV GIAI ĐOẠN 2011-2015**

- Chiếm trên 97% số doanh nghiệp cả nước, các DNNVV đóng vai trò quan trọng trong tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, giúp huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, xóa đói giảm nghèo.

- Chính phủ các nước phát triển và đang phát triển đều xác định vai trò quan trọng, lâu dài của DNNVV trong nền kinh tế và công tác xúc tiến, phát triển DNNVV được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển kinh tế quốc gia. Các nước trong khu vực: Malaysia, Thái Lan đều xây dựng Chiến lược 10 năm hay Kế hoạch 5 năm phát triển DNNVV;

- Thông qua Kế hoạch phát triển DNNVV 2011-2015, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khuyến khích và trợ giúp phát triển DNNVV được công khai, minh bạch, dễ tiên liệu hơn, giúp các DNNVV phát huy hiệu quả năng lực của mình trong hoạt động đầu tư và phát triển kinh doanh. Kế hoạch 5 năm là một công cụ đặc lực giúp Nhà nước theo dõi, đánh giá tình hình phát triển của các DNNVV. Việc thực hiện tốt Kế hoạch phát triển DNNVV giai đoạn 2011-2015 sẽ là cơ sở để thực hiện thành công Kế hoạch phát triển Kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn này.

**II. CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP VÀ KẾT CẤU KẾ HOẠCH PHÁT
TRIỆU DNNVV GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

2.1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

1. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm giai đoạn 2011-2020
2. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015
3. Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển DNNVV
4. Nghị quyết 22/NQ-CP ngày 5/5/2010 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị định 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển DNNVV
5.

2.2. Kết cấu kế hoạch: Gồm 3 Chương

Chương I: Thực trạng khu vực DNNVV Việt Nam

Chương II: Mục tiêu và giải pháp phát triển DNNVV giai đoạn 2011-2015

Chương III: Tổ chức thực hiện Kế hoạch
(Tóm lược nội dung từng Chương)

CHƯƠNG I: THỰC TRẠNG KHU VỰC DNNVV VIỆT NAM

I. THỰC TRẠNG VỀ KHU VỰC DNNVV VIỆT NAM (thống kê cơ bản khu vực DNNVV)

- 1.1. Số lượng, quy mô DNNVV
- 1.2. Phân bố DNNVV theo ngành nghề, địa bàn
- 1.3. Lao động trong khu vực DNNVV
- 1.4. Đóng góp của khu vực DNNVV vào GDP, xuất nhập khẩu

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DNNVV LẦN THỨ NHẤT 2006 – 2010 VÀ BÀI HỌC RÚT RA

- 2.1. Tóm tắt nội dung chính của Kế hoạch lần thứ nhất (*9 nhiệm vụ và 7 nhóm giải pháp chủ yếu*)
- 2.2. Một số kết quả chủ yếu đạt được trong việc thực hiện Kế hoạch (*Đánh giá tổng quan tình hình thực hiện theo các chỉ tiêu và 7 nhóm giải pháp đề ra*).
- 2.3. Bài học rút ra từ việc thực hiện Kế hoạch lần thứ nhất

III. HẠN CHẾ, THÁCH THỨC CỦA KHU VỰC DNNVV VÀ NHU CẦU HỖ TRỢ TRONG GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

- 3.1. Các hạn chế cơ bản của khu vực DNNVV
- 3.2. Nhu cầu hỗ trợ đối với khu vực DNNVV giai đoạn 2011-2015

CHƯƠNG II: MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DNNVV GIAI ĐOẠN 2011-2015

I. BỐI CẢNH KINH TẾ XÃ HỘI VÀ YÊU CẦU PHÁT TRIỂN DNNVV GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1.1. Bối cảnh trong, ngoài nước tác động đến khu vực DNNVV

- Kế hoạch phát triển DNNVV 5 năm 2011-2015 được thực hiện trong bối cảnh kinh tế thế giới biến đổi nhanh, phức tạp, khó lường. Sau cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, thế giới sẽ bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều cơ hội, thách thức mới. Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và điều chỉnh các thể chế điều tiết kinh tế - tài chính toàn cầu sẽ diễn

ra mạnh mẽ, gắn với những bước tiến mới về khoa học công nghệ, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, phát huy lợi thế cạnh tranh “động” và sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ. Sự phục hồi kinh tế đi đôi với tình trạng thâm hụt ngân sách nghiêm trọng diễn ra ở hầu hết các quốc gia do thực hiện các gói kích thích kinh tế khổng lồ, nếu không có các biện pháp kiểm soát đủ mạnh dẫn tới khả năng tái lạm phát cao trên toàn cầu.

- Kinh tế tri thức phát triển mạnh, theo đó yếu tố con người và tri thức đang trở thành lợi thế chủ yếu của mỗi quốc gia. Việc tham gia vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu đã trở thành yêu cầu tất yếu đối với các nền kinh tế;

- Kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trên nhiều mặt sau hơn 25 năm đổi mới. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao, tăng bình quân 7,2%/năm trong suốt giai đoạn 2001-2010. Tuy nhiên, đánh giá khách quan thực chất hoạt động của nền kinh tế cho thấy tăng trưởng thời gian qua chủ yếu dựa vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, năng suất lao động thấp, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và toàn nền kinh tế thấp hơn nhiều so với mặt bằng khu vực. Các vấn đề về nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng xuất khẩu, xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm v.v... vẫn là những yếu tố hàng đầu cần xem xét trong quá trình xây dựng các giải pháp phát triển DNNVV giai đoạn 5 năm tới.

- Các yêu cầu về lồng ghép với Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2011-2015 và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan ...

1.2. Dự báo xu hướng phát triển, yêu cầu mới từ nền kinh tế và các thách thức đối với công tác phát triển DNNVV thời gian tới

- DNNVV vẫn tiếp tục đà phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, quy mô và hiệu quả, đảm nhiệm vị trí, vai trò quan trọng không thể thiếu trong nền kinh tế quốc dân;

- Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng đòi hỏi sự liên kết của các DNNVV ngày càng cao, liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và ngoài nước, giữa các DNNVV trong nước với nhau tạo thành chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh, hình thành công nghiệp phụ trợ v.v...

- Yêu cầu tái cấu trúc nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân song đồng thời đóng góp vào sự phát triển và thịnh vượng của nền kinh tế, tránh bẫy của nước có thu nhập trung bình.

II. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DNNVV GIAI ĐOẠN 2011-2015

2.1. Quan điểm, định hướng phát triển DNNVV giai đoạn 2011-2015

- Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần;

- Nhà nước tạo môi trường về pháp luật và các cơ chế, chính sách thuận lợi cho DNNVV thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh nhằm huy động mọi nguồn lực trong nước kết hợp với nguồn lực từ bên ngoài cho đầu tư phát triển;

- Phát triển DNNVV một cách bền vững, tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên cơ sở đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; ưu tiên phát triển các ngành nghề, sản phẩm có giá trị gia tăng cao hoặc DNNVV có lợi thế cạnh tranh; cải thiện và tạo điều kiện thuận lợi để DNNVV cạnh tranh bình đẳng, tiếp cận các nguồn lực và thị trường; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, phát triển văn hóa kinh doanh và liên kết doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu phát triển DNNVV giai đoạn 2011-2015

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

- Đẩy nhanh tốc độ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNVV, tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch để các DNNVV đóng góp ngày càng cao vào phát triển kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

Trong 5 năm tới, phấn đấu đạt một số chỉ tiêu cụ thể sau đây:

(1) *Nhóm chỉ tiêu về phát triển doanh nghiệp và đóng góp của DNNVV vào nền kinh tế:*

Trong giai đoạn 5 năm 2011-2015:

- Cả nước có thêm 350.000 DNNVV thành lập mới, trong đó tỷ lệ thành lập tại các tỉnh khó khăn là ...%;
- Đầu tư của khu vực DNNVV chiếm ...% tổng đầu tư toàn xã hội;
- Đóng góp% GDP
- Đóng góp ...% tổng thu ngân sách nhà nước;
- Tỷ lệ DNNVV tham gia xuất, nhập khẩu đạt ...%
- Khu vực DNNVV tạo thêm khoảng 3 triệu chỗ làm mới;
-

(2) *Nhóm chỉ tiêu phản ánh hỗ trợ của Chính phủ đối với DNNVV*

- Số lượng DNNVV được hưởng lợi từ các chính sách, chương trình trợ giúp tài chính của Chính phủ (thông qua các hoạt động bảo lãnh tín dụng, Quỹ đầu tư mạo hiểm, chương trình hỗ trợ lãi suất, miễn, giảm, giãn thuế, v.v...);

- Số lượng DNNVV được hưởng lợi từ các chính sách, chương trình trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực (Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV theo Thông tư 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC, chương trình đào tạo nghề của Bộ Lao động Thương binh Xã hội v.v...);

- Số lượng/tỷ lệ DNNVV được tham gia các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia (Bộ Công Thương), chương trình xúc tiến thương mại trong nước của các địa phương;

- Số lượng DNNVV được hưởng lợi từ các chương trình đổi mới khoa học công nghệ, chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp;

-

(Các chỉ tiêu nêu ra ở trên là dự kiến, có thể bổ sung các chỉ tiêu có tính đại diện và có dữ liệu thống kê nhằm phản ánh trình độ phát triển, các đóng góp của khu vực DNNVV cũng như mức độ hỗ trợ của Chính phủ đối với khu vực này. Tham khảo thêm tại Phụ lục 2)

III. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DNNVV GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện khung pháp lý chung về phát triển doanh nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện quy định pháp lý chung cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt là các DNNVV, cùng phát triển bình đẳng. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp gia nhập thị trường và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Cụ thể, hoàn thiện quy định pháp lý trong các lĩnh vực như:

- Gia nhập thị trường, thủ tục đầu tư như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Hợp tác xã...
- Các quy định trong lĩnh vực quản lý đất đai, mặt bằng sản xuất, xây dựng.
- Quy định về nâng cao trình độ công nghệ, tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.
- Tiếp cận nguồn vốn qua các kênh trên thị trường tiền tệ và thị trường vốn.
- Quy định về các hoạt động thương mại: xuất nhập khẩu, hải quan, phát triển thị trường nội địa...
- Hệ thống thuế, chế độ kế toán, tài chính,
- Hợp đồng, giải quyết tranh chấp;
- Quản lý chất lượng;
- Chính sách lao động ...

(Tập hợp tại Mục I, Phụ lục 1 kèm theo)

3.2. Nhóm giải pháp về chính sách ưu đãi, khuyến khích và hỗ trợ DNNVV

- Kế hoạch phát triển DNNVV lần thứ nhất đã đưa ra khung chung về các chính sách trợ giúp DNNVV giai đoạn 5 năm 2006-2010. Tuy nhiên, kinh nghiệm quốc tế cho thấy, do các hạn chế mang tính đặc thù của khu vực DNNVV cũng như bản chất liên ngành, đan xen của chính sách trợ giúp DNNVV, ngoài khung pháp lý chung cho phát triển các loại hình doanh nghiệp, cần có các chính sách, thể chế cụ thể (có thể lượng hóa được) trợ giúp DNNVV.

- Căn cứ Nghị định 56/2009/NĐ-CP và Nghị quyết 22/NQ-CP, một số giải pháp cụ thể triển khai chính sách trợ giúp DNNVV có thể xem xét, đề xuất như:

3.2.1. Nhóm giải pháp chính sách hỗ trợ DNNVV tiếp cận nguồn cung tài chính phù hợp với điều kiện của DNNVV

- Tình trạng mặt bằng lãi suất cao kéo dài liên tục gây nhiều khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp nói chung, đặc biệt khu vực DNNVV với quy mô vốn hạn chế. Cần có giải pháp trợ giúp DNNVV tiếp cận nguồn cung tài chính thuận lợi hơn (Quỹ phát triển DNNVV, Quỹ Bảo lãnh tín dụng DNNVV); nghiên cứu áp dụng cơ chế quản lý thuế phù hợp với đối tượng doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; xem xét tiếp tục hỗ trợ lãi suất cho các DNNVV sản xuất, DNNVV tham gia xuất khẩu...

3.2.2. Nhóm giải pháp chính sách tháo gỡ khó khăn về mặt bằng sản xuất cho DNNVV

- Chi phí thuê mặt bằng đất đỏ, khó khăn tiếp cận đất sạch, phức tạp trong thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng ... khiến DNNVV mất nhiều chi phí và khó ổn định sản xuất kinh doanh. Vì vậy, bên cạnh việc công khai minh bạch quy hoạch, quy trình, thủ tục tiếp cận đất đai (chung cho các doanh nghiệp), cần nghiên cứu ban hành cơ chế ưu đãi (về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và hỗ trợ tín dụng đầu tư) nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp dành cho DNNVV.

- Nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể hóa ưu đãi tài chính về đất đai nhằm hỗ trợ các DNNVV có cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm di dời ra khỏi đô thị, khu dân cư; cho phép chuyển quyền sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh sang đất ở và đất thương mại nhằm mục đích bán và trang trải chi phí di chuyển.

3.2.3. Nhóm giải pháp về hỗ trợ đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ kỹ thuật cho các DNNVV

- Đề xuất cơ chế hỗ trợ một phần (...%) chi phí xây dựng thương hiệu, thực hiện đăng ký và bảo hộ, cấp chứng chỉ chất lượng sản phẩm, chứng chỉ thân thiện môi trường, chứng chỉ quy trình sản xuất v.v... cho DNNVV.

- Nghiên cứu, ban hành Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ DNNVV ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đầu tư đổi mới trang thiết bị, nâng cao năng lực công nghệ và chuyển giao công nghệ;

- Chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ, xem xét nâng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa không quá 50% tổng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu đổi mới công nghệ của các DNNVV, sửa đổi các quy định liên quan đến việc cấp phát, thủ tục thanh quyết toán kinh phí được hỗ trợ.

- Quỹ phát triển Khoa học công nghệ quốc gia hàng năm dành một phần kinh phí (tỷ lệ ...%) hỗ trợ các DNNVV đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ;

.....

3.2.4. Nhóm giải pháp chính sách hỗ trợ DNNVV tiếp cận thị trường, mở rộng sản xuất kinh doanh

- Xây dựng văn bản quy định về cơ chế khuyến khích các DNNVV tham gia cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công;

- Chính sửa, bổ sung các mẫu tài liệu đấu thầu, trong đó khuyến khích các DNNVV tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, hàng hóa

- Nghiên cứu, đề xuất quy định tỷ lệ tối thiểu (...%) DNNVV được tham gia vào các chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước, xúc tiến thương mại quốc gia;

3.2.5. Trợ giúp phát triển nguồn nhân lực có tay nghề cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch đào tạo, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện đào tạo quản trị doanh nghiệp cho các DNNVV;

- Lòng ghép, chú trọng đối tượng DNNVV trong chương trình quốc gia về giải quyết việc làm;

.....

3.2.6. Kiện toàn hệ thống tổ chức trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

.....

(Tập hợp tại Mục II, Phụ lục 1)

3.3. Nhóm giải pháp hỗ trợ thông qua các chương trình, dự án trợ giúp DNNVV

3.3.1. Nguyên tắc xây dựng Chương trình

- Các chương trình nhằm mục tiêu hỗ trợ phát triển các DNNVV, có định hướng vào các đối tượng ưu tiên (vùng, giới, dân tộc, ngành nghề v.v...); xã hội hóa hoạt động hỗ trợ DNNVV (đa dạng hóa nguồn vốn: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn của doanh nghiệp, cộng đồng nhà tài trợ...). Các chương trình, dự án cụ thể do các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội đề xuất và thực hiện trực tiếp, được tổng hợp chung trong Kế hoạch.

- Các chương trình, dự án trợ giúp DNNVV được đề xuất gồm các nội dung chính sau:

- Tên chương trình, dự án
- Mục tiêu
- Mô tả sơ bộ (đối tượng, phạm vi, quy mô, hoạt động cơ bản, thời gian thực hiện)
- Ngân sách dự kiến (nguồn?)
- Cơ quan chủ trì thực hiện, cơ quan phối hợp

3.3.2. *Gợi ý một số chương trình cụ thể*

- Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV
- Chương trình trợ giúp thông tin cho DNNVV
- Chương trình phát triển cụm liên kết doanh nghiệp, hỗ trợ DNNVV tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị có lợi thế cạnh tranh như: sản xuất lúa gạo, cà phê, dệt may, da dày, điện tử, du lịch, dịch vụ logistic
- Chương trình đổi mới, tăng năng suất cho các DNNVV trong lĩnh vực sản xuất
- Chương trình hỗ trợ một phần kinh phí tư vấn cho các DNNVV sản xuất hàng xuất khẩu, DNNVV nông nghiệp nông thôn và DNNVV trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, các tiêu chuẩn quốc tế khác;
- Chương trình nâng cao năng lực tiếp cận vốn (ngân hàng và thị trường vốn) cho các DNNVV
- Chương trình hỗ trợ nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sáng tạo, tài sản trí tuệ, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng
- Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thuộc đối tượng doanh nghiệp khó khăn (doanh nghiệp nữ, DNNVV nông nghiệp, nông thôn gắn liền với địa bàn nông thôn, miền núi, miền biên, vùng sâu, vùng xa..)

.....

(Tập hợp tại Mục III, Phụ lục 1)

CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

I. XÂY DỰNG CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1.1. Điều kiện về mặt tổ chức, thể chế, nhân sự

- Kiện toàn hệ thống tổ chức trợ giúp phát triển DNNVV từ trung ương đến địa phương;
- Sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Chính phủ, Hội đồng khuyến khích phát triển DNNVV;
- Mọi quan hệ và tiếng nói của cơ quan đầu mối phát triển DNNVV quốc gia (Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trong hệ thống cơ quan quản lý nhà nước;
- Các Bộ, ngành, địa phương xem xét thành lập hoặc giao trách nhiệm cho một đơn vị đầu mối xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch. Đơn vị này cũng có trách nhiệm theo dõi, giám sát, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch của ngành, địa phương mình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Điều kiện về nguồn tài chính, ngân sách

- Ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương)
- Huy động nguồn vốn ODA, vốn của doanh nghiệp

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ CƠ QUAN LIÊN QUAN

2.1. Các Bộ ngành:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đầu mối phát triển DNNVV có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch phát triển DNNVV trên cơ sở kế hoạch của các ngành, địa phương. Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều phối, theo dõi, lập báo cáo chung tình hình thực hiện Kế hoạch của các Bộ, ngành địa phương trên toàn quốc về tình hình thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ DNNVV. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện trực tiếp một số cải cách về khung pháp lý, và các chương trình, hoạt động cụ thể nhằm hỗ trợ DNNVV trong lĩnh vực Bộ phụ trách.

- Các Bộ quản lý ngành phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và thực hiện trực tiếp các cải cách nhằm cải thiện khung pháp lý cho doanh nghiệp và DNNVV, các chương trình, đề án trợ giúp DNNVV trong lĩnh vực phụ trách và lập báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện kế hoạch để tổng hợp chung báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí nguồn ngân sách trung ương cho các chương trình, hoạt động trợ giúp DNNVV tổng hợp chung trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm.

2.2. Các địa phương

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố lập kế hoạch trợ giúp DNNVV trên địa bàn, bố trí nguồn ngân sách địa phương cho thực hiện kế hoạch, định kỳ lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch trên địa bàn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung.

2.3. Các hiệp hội doanh nghiệp, cộng đồng tài trợ quốc tế

- Các hiệp hội doanh nghiệp và nhà tài trợ quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc cùng cơ quan Chính phủ và chính quyền địa phương triển khai hoạt động trợ giúp DNNVV. Nguồn ngân sách huy động từ các chương trình, dự án ODA góp phần quan trọng, giảm bớt gánh nặng ngân sách nhà nước cho hỗ trợ DNNVV.

II. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

2.1. Công cụ, biện pháp đánh giá

2.2. Chế độ báo cáo, tổng hợp

PHỤ LỤC 1

I. Các văn bản pháp luật dự kiến được xây dựng và điều chỉnh nhằm hoàn thiện khung pháp lý chung về phát triển doanh nghiệp

| Tên của văn bản pháp luật dự kiến điều chỉnh | Mục tiêu của cải cách; nội dung sửa đổi, bổ sung, giải quyết khó khăn nào của doanh nghiệp | Cơ quan chủ trì, thời gian thực hiện dự kiến |
|--|--|--|
| 1. | | |
| 2. | | |
| 3... | | |

II. Các chính sách ưu đãi, khuyến khích và hỗ trợ DNNVV

| Tên của chính sách, cơ chế ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ DNNVV | Mục tiêu của chính sách, cơ chế đề xuất nhằm giải quyết khó khăn nào của doanh nghiệp; nội dung chủ yếu của giải pháp chính sách | Cơ quan chủ trì, thời gian thực hiện dự kiến |
|---|--|--|
| 1. | | |
| 2. | | |
| 3... | | |

III. Các chương trình, dự án trợ giúp DNNVV

| Tên chương trình, dự án trợ giúp DNNVV | Mục tiêu, đối tượng, quy mô, hoạt động chủ yếu, ngân sách dự kiến | Cơ quan chủ trì, thời gian thực hiện dự kiến |
|--|---|--|
| 1. | | |
| 2. | | |
| 3. | | |

PHỤ LỤC 2: Một số chỉ tiêu mang tính định hướng

1. Nhóm chỉ tiêu về phát triển DN và đóng góp của DNNVV vào nền kinh tế

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | Luỹ kế |
|---|------------|------|------|------|------|------|--------|
| Số DN NVV thành lập mới - Trong đó doanh nghiệp do nữ giới làm chủ | DN | | | | | | |
| Số vốn đăng ký | Triệu đồng | | | | | | |
| Số DNNVV thành lập mới tại các tỉnh khó khăn | DN | | | | | | |
| Đóng góp vào GDP | % | | | | | | |
| Đóng góp vào NSNN | Triệu đồng | | | | | | |
| Tỷ lệ DNNVV trực tiếp tham gia xuất, nhập khẩu | % | | | | | | |
| Số lao động tạo ra trong khu vực DNNVV | Lao động | | | | | | |

3. Nhóm chỉ tiêu phản ánh hỗ trợ của Chính phủ đối với DNNVV

| Chỉ tiêu | ĐVT | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | Luỹ kế |
|---|-----|------|------|------|------|------|--------|
| Số DNNVV được hỗ trợ từ Quỹ Hỗ trợ phát triển | | | | | | | |
| Số lượng DNNVV được hưởng lợi từ Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV | | | | | | | |
| Số lượng/tỷ lệ DNNVV được tham gia Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia | | | | | | | |
| Số lượng DNNVV được hưởng lợi từ Chương trình đổi mới KHCN quốc gia, chươn trình sáng chế | | | | | | | |
| Số DNNVV được vay tín dụng thương mại | | | | | | | |

* Ghi chú:

- Sẽ chọn lọc một số chỉ số điển hình nhất trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế và khả năng sẵn có v số liệu thống kê tại Việt Nam.
- Xây dựng các chỉ tiêu theo phương án (cao, trung bình và thấp) và lựa chọn phương án thực hiện.
- Các chỉ tiêu này có thể phân theo địa phương hoặc vùng.